

Số: 12 /2023/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 15 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi thực hiện đề án “Xây dựng xã hội học tập
giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài
chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục
tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư
số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn
2021-2030”;*

*Xét Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Hà Giang đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định
nội dung và mức chi thực hiện đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 -
2030” trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-VHXH ngày 11 tháng
7 năm 2023 của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi để thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học
tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy
định tại Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính
và các văn bản có liên quan.

c) Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Mức chi thực hiện đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”

1. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm: Thực hiện theo Nghị quyết số 147/2014/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi có tính chất đặc thù trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Chế độ công tác phí, chi thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án tại địa phương, học tập kinh nghiệm mô hình xây dựng xã hội học tập hiệu quả trong nước; chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp trên địa bàn: Thực hiện theo Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc các hoạt động của Đề án; bồi dưỡng cho báo cáo viên/hướng dẫn viên tham gia giảng dạy tại Trung tâm học tập cộng đồng (bao gồm công tác chuẩn bị, soạn bài và báo cáo); đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Trung tâm học tập cộng đồng: Thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 52/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi cho công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

4. Kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập, gồm:

a) Tổ chức các cuộc họp, hội nghị triển khai kế hoạch đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Thực hiện theo Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh.

b) Điều tra nhu cầu học tập, thu thập minh chứng, chi tổng hợp số liệu, viết báo cáo đánh giá, kiểm tra, đánh giá, xếp loại/công nhận các mô hình học tập: Căn cứ quy mô, tính chất của từng cuộc điều tra, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực

hiện nhiệm vụ quyết định phù hợp trong phạm vi dự toán được giao nhưng tối đa không quá mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

5. Tiền điện (hoặc dầu đèn) đối với các lớp học tại Trung tâm học tập cộng đồng ban đêm; hỗ trợ tài liệu, sách giáo khoa, đồ dùng phục vụ công tác giảng dạy, học tập tại các Trung tâm học tập cộng đồng: Giám đốc Trung tâm học tập cộng đồng quyết định mức chi cụ thể trong phạm vi dự toán được giao của đơn vị để thực hiện và thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh.

6. Chi cho công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục

a) Các hoạt động điều tra, khảo sát phục vụ công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở:

- Cán bộ, giáo viên trực tiếp thực hiện: 10.000 đồng/phiếu điều tra;
- Người trực tiếp thực hiện tổng hợp, xử lý số liệu cấp xã: 1.500 đồng/phiếu điều tra;
- Người trực tiếp thực hiện tổng hợp, xử lý số liệu cấp huyện: 1.000 đồng/phiếu điều tra.

b) Hỗ trợ văn phòng phẩm cho giáo viên dạy xóa mù chữ: Mức chi thực tế theo giá thị trường tại thời điểm và có chứng từ hợp pháp.

Danh mục văn phòng phẩm cho giáo viên dạy xóa mù chữ: Giấy A4: 02 gram/kỳ; Bút bi: 03 chiếc/kỳ; Phần viết bảng: 03 hộp/kỳ; Thước kẻ: 01 cái/kỳ; Tài liệu hướng dẫn dạy xóa mù chữ: 01 bộ/kỳ.

c) Hỗ trợ kinh phí thấp sáng ban đêm, mua sổ sách theo dõi quá trình học tập, sách giáo khoa dùng chung (đối với các lớp phổ cập, xóa mù chữ ban đêm) và tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp xóa mù chữ:

- Hỗ trợ kinh phí thấp sáng ban đêm cho các lớp học ban đêm: Mức chi căn cứ theo thực tế phát sinh theo thời gian học thực tế của các lớp học.

- Chi sổ sách theo dõi quá trình học tập cho mỗi lớp học/giai đoạn: Học bạ học viên 10.000 đồng/cuốn/học viên; sổ tổng hợp đánh giá kết quả giáo dục, sổ giáo viên chủ nhiệm và sổ đầu bài: 50.000 đồng/lớp/kỳ;

- Mua sách giáo khoa, tài liệu dùng chung đối với lớp phổ cập, xóa mù chữ ban đêm: Theo số học viên thực tế và hóa đơn, chứng từ theo quy định; kết thúc mỗi giai đoạn thu hồi của học viên để tiếp tục sử dụng.

- Hỗ trợ Ban chỉ đạo cấp xã tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp học xóa mù chữ: 200.000 đồng/đối tượng đến lớp và hoàn thành 01 giai đoạn học tập của Chương trình xóa mù chữ (sau mỗi giai đoạn học tập được hỗ trợ 01 lần).

d) Tiền lương đối với giáo viên thuộc biên chế dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ và phổ cập giáo dục thuộc nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở giáo dục đào tạo công lập: Chi trả theo chế độ tiền lương quy định hiện hành.

Trường hợp số giờ dạy vượt định mức giờ chuẩn được thanh toán theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập và trong phạm vi dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Số giờ dạy theo quy định tại Chương trình xóa mù chữ ban hành kèm theo Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình xóa mù chữ.

đ) Mức chi tiền công đối với những người tình nguyện tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ (bao gồm giáo viên thuộc biên chế của cơ sở giáo dục đào tạo công lập và những người ngoài biên chế có đủ tiêu chuẩn, năng lực giảng dạy): Căn cứ mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định tại thời điểm để hợp đồng chi trả theo giờ giảng dạy.

e) Hỗ trợ chi phí ăn, ở, đi lại cho tình nguyện viên được huy động tham gia giảng dạy các lớp xóa mù chữ: Thực hiện theo Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

g) Công tác thi đua khen thưởng: Thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí sự nghiệp giáo dục theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật đảm bảo chi cho các nội dung quy định tại Khoản 2; Khoản 3; Khoản 4; Khoản 5 và điểm a, điểm c (hỗ trợ kinh phí thấp sáng ban đêm cho các lớp học ban đêm), điểm d, điểm đ, điểm e và điểm g, Khoản 6, Điều 2 Nghị quyết này.

2. Kinh phí sự nghiệp Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 đảm bảo các nội dung chi quy định tại Khoản 1 (Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các tổ chức, đoàn thể, các lực lượng xã hội tại địa phương về mục đích, ý nghĩa, vai trò và ích lợi của học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; chi tổ chức Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời hàng năm); điểm b, điểm c khoản 6 Điều 2 Nghị quyết này (chi số sách theo dõi quá trình học tập cho mỗi lớp học/giai đoạn; Mua sách giáo khoa, tài liệu dùng chung đối với lớp phổ cập, xóa mù chữ ban đêm; Hỗ trợ Ban chỉ đạo cấp xã tham gia hoạt động tuyên truyền, huy động người mù chữ, tái mù chữ đến lớp học xóa mù chữ) và không áp dụng đối với thị trấn Vĩnh Tuy huyện Bắc Quang.

Đối với thị trấn Vĩnh Tuy huyện Bắc Quang không thuộc xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ được sử dụng các mức chi tại Nghị quyết này từ nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục theo phân cấp ngân sách và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Đối với thi đua, khen thưởng sử dụng từ các nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng Nhân dân tỉnh, Tổ Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu, UBTWQH;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Bộ: Tài chính; Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các Sở, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Hà Giang, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND (1b).

CHỦ TỊCH



Thào Hồng Sơn